

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã

A

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đồng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 607/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 695/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Anh Phan Ngọc L, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ H trình bày:* Chị và anh Phan Ngọc L tìm hiểu khoảng 01 năm và tổ chức lễ cưới vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà chồng được vài tháng thì xây nhà ra ở riêng, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm đến năm

2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không nói chuyện được với nhau nên thường xuyên cãi vã từ những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ năm 2020 cho đến nay, anh L thường chửi mắng chị những chuyện rất vô lý, ngoài ra anh cũng ít quan tâm đến con cái và công việc trong gia đình nên tình cảm giữa vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay thì vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng ăn riêng, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai; chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Phan Ngọc L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Phan Lê H1 (sinh ngày 17/5/1998) và Phan Lê H2 (sinh ngày 28/5/2000), hiện cả hai người con đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo bị đơn anh Phan Ngọc L trình bày:* Anh và chị Lê Thị Mỹ H tổ chức lễ cưới nhau vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới vợ chồng ở riêng tại thôn B, xã N, thị xã A, vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Khoảng 01 năm nay thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do nhiều chuyện trong nhà chị H tự ý quyết định mà không thông qua anh, ngoài ra giữa vợ chồng thiếu sự quan tâm tới nhau, có nhiều lý do khác vợ chồng mâu thuẫn nhưng anh không tiện nói ra, khoảng hơn 01 năm nay vợ chồng sống chung nhưng làm riêng, ăn riêng, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy làm công việc của mình, không liên quan đến ai. Anh xác định vợ chồng cũng không thể tiếp tục sống chung với nhau nhưng do hiện tại các con chưa ổn định nên anh chưa muốn ly hôn, khi nào các con ổn định thì anh sẽ ly hôn sau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Phan Lê H1 sinh năm 1998 và Phan Lê H2 sinh năm 2000, hiện cả hai người con đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ H được ly hôn với anh Phan Ngọc L.
2. Về con chung: Miễn xét
3. Về tài sản chung, nợ chung: Miễn xét
4. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phan Ngọc L được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Phan Ngọc L xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các điều kiện về kết hôn, được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Chị H và anh L cùng xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị H cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên kình cãi từ những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống, anh L thường chửi mắng chị từ những chuyện rất vô lý, ngoài ra anh cũng ít quan tâm đến con cái và công việc trong gia đình. Ngược lại anh L cho rằng vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng do nhiều chuyện trong nhà chị H tự ý quyết định mà không thông qua anh, ngoài ra giữa vợ chồng thiếu sự quan tâm tới nhau. Từ lời trình bày của chị H, anh L cho thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh L thiếu sự chia sẻ, cảm thông với nhau nên từ những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống nhưng cả hai chị không thể giải quyết hàn gắn dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn, mặc dù còn sống chung nhà nhưng cả hai anh chị không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống, mạnh ai nấy lo cho công việc, cuộc sống riêng của mình, bản thân anh L cũng xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nhưng vì các con chưa ổn định nên không đồng ý ly hôn. Lý do anh L đưa ra để không đồng ý ly hôn là không có căn cứ. Xét mâu thuẫn của chị H và anh L đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ H được ly hôn với anh Phan Ngọc L.

[2.2] Về con chung: Chị H, anh L xác định có 02 người con tên Phan Lê H1 sinh năm 1998 và Phan Lê H2 sinh năm 2000, hiện cả 02 người con đã trưởng thành, chị H, anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004971 ngày 09/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ H được ly hôn với anh Phan Ngọc L.

2- Về con chung: có 02 người con tên Phan Lê H1 sinh năm 1998 và Phan Lê H2 sinh năm 2000, hiện cả 02 người con đã trưởng thành, chị H, anh L không yêu cầu giải quyết.

3- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh L không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004971 ngày 09/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

5- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành

án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. A
- Chi cục THA TX. A
- UBND xã N
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ